

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI BẮT BUỘC PHẢI CÔNG BỐ
TRONG TIÊU CHUẨN CÔNG BỐ ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2019/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu sắc	-	Mô tả
2	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
3	Protein thô	%	Không nhỏ hơn
4	Năng lượng trao đổi (ME)	Kcal/kg	Không nhỏ hơn
5	Xơ thô	%	Không lớn hơn
6	Canxi	%	Trong khoảng
7	Phốt pho tổng số	%	Trong khoảng
8	Lysine tổng số	%	Không nhỏ hơn
9	Methionine + Cystine tổng số*	%	Không nhỏ hơn
10	Threonine tổng số	%	Không nhỏ hơn
11	Khoáng tổng số	%	Không lớn hơn
12	Cát sạn (khoáng không tan trong axit clohydric)	%	Không lớn hơn
13	Côn trùng sống	-	Không có

* Bao gồm các chất thay thế Methionine

2. Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho động vật cảnh*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu sắc	-	Mô tả
2	Độ ẩm	%	Không lớn hơn
3	Protein thô	%	Không nhỏ hơn
4	Béo thô	%	Không nhỏ hơn
5	Xơ thô	%	Không lớn hơn
6	Khoáng tổng số	%	Không lớn hơn

* Động vật cảnh là động vật nuôi không vì mục đích làm thực phẩm cho người

3. Thức ăn bổ sung dạng hỗn hợp

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu sắc	-	Mô tả
2	Độ ẩm hoặc hàm lượng nước	%	Không lớn hơn
3	Chỉ tiêu chất lượng quyết định bản chất và công dụng sản phẩm*	Khối lượng/khối lượng hoặc khối lượng/thể tích	Không nhỏ hơn hoặc không lớn hơn hoặc trong khoảng
4	Nguyên tố khoáng đơn (nếu có)	Khối lượng/khối lượng hoặc khối lượng/thể tích	Trong khoảng
6	Cát sạn (khoáng không tan trong axit clohydric)**	%	Không lớn hơn

* Tùy theo sản phẩm để lựa chọn chỉ tiêu, hình thức công bố phù hợp (Ví dụ: Hình thức công bố là không nhỏ hơn đối với chỉ tiêu vitamin, axit amin)

** Không áp dụng với sản phẩm dạng lỏng

4. Thức ăn truyền thống, nguyên liệu đơn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hình thức công bố
1	Chỉ tiêu cảm quan: Dạng, màu sắc	-	Mô tả
2	Độ ẩm hoặc hàm lượng nước	%	Không lớn hơn
3	Chỉ tiêu chất lượng quyết định bản chất và công dụng sản phẩm*	Khối lượng/khối lượng hoặc khối lượng/thể tích	Không nhỏ hơn hoặc không lớn hơn hoặc trong khoảng
4	Cát sạn (khoáng không tan trong axit clohydric)**	%	Không lớn hơn

* Tùy theo sản phẩm để lựa chọn chỉ tiêu, hình thức công bố phù hợp (Ví dụ: Hình thức công bố là không nhỏ hơn đối với chỉ tiêu vitamin, axit amin)

** Không áp dụng với sản phẩm dạng lỏng

5. Tiêu chuẩn công bố áp dụng gồm những nội dung sau:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn
- Tên của sản phẩm, tên thương mại (nếu có)
- Số tiêu chuẩn công bố áp dụng
- Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn
- Tài liệu viện dẫn (phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử các chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn của thức ăn chăn nuôi)
- Chỉ tiêu chất lượng hoặc thành phần dinh dưỡng

Thức ăn chăn nuôi chứa thuốc thú y có thành phần kháng sinh để phòng, trị bệnh cho vật nuôi không bắt buộc phải công bố thông tin kháng sinh trong bảng chỉ tiêu chất lượng nhưng bắt buộc phải ghi nhãn theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

Thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước có chứa hoạt chất chưa có phòng thử nghiệm

được chỉ định hoặc chưa có phòng thử nghiệm được thừa nhận thực hiện thử nghiệm thì không phải công bố hàm lượng hoạt chất đó trong bảng chỉ tiêu chất lượng nhưng phải ghi thành phần định lượng nguyên liệu chứa hoạt chất và tên hoạt chất.

g) Chỉ tiêu an toàn

h) Thành phần nguyên liệu

i) Hướng dẫn sử dụng

k) Hạn sử dụng

Không bắt buộc phải ghi cụ thể hạn sử dụng của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng khi công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhưng bắt buộc phải ghi hạn sử dụng trong quá trình sản xuất, lưu thông sản phẩm.

l) Hướng dẫn bảo quản

m) Thời gian công bố tiêu chuẩn

n) Xác nhận của đơn vị công bố tiêu chuẩn